**Tiếng Việt**

**Bài 4: o, ô (2 tiết)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các âm và chữ cái **o, ô** ; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **o, ô** với các mô hình “âm đầu + âm chính”: **co, cô.**

- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **o**, âm **ô**

- Biết viết trên bảng con các chữ o và ô và tiếng **co, cô**.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập 4.

- Bảng con, phấn, bút dạ để học sinh làm bài tập 5 (tập viết).

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định | - Hát  |
| - Kiểm tra bài cũ:+ GV mời HS đọc, viết a, c+ GV nhận xét | - HS đọc, viết |
| - Giới thiệu bài: |  |
| **2. Hình thành kiến thức mới** |  |
| **Hoạt động 1. Khám phá** | - HS quan sát |
| - Đây là trò chơi gì?- GV chỉ tiếng **co** - GV nhận xét | - HS : Đây là trò chơi kéo co- HS nhận biết **c, o = co**- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **co** |
| - GV chỉ tiếng ca và mô hình tiếng co

|  |
| --- |
| **co** |
| **c** | **o** |

- GV hỏi: Tiếng **co** gồm những âm nào? | - HS quan sát- HS trả lời nối tiếp: Tiếng **co** gồm có âm **c** và âm **o**. Âm **c** đứng trước và âm **o** đứng sau. |
| *\* Đánh vần.* |
| ***b. Dạy âm ô, chữ ô.*** |  |
| - GV đưa lên bảng hình cô giáo  | - HS quan sát |
| - Đây là hình ai?- GV chỉ tiếng **cô** - GV nhận xét | - HS : Đây là cô giáo- HS nhận biết **c, ô = cô**- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cô** |
| - GV chỉ tiếng ca và mô hình tiếng co

|  |
| --- |
| **cô** |
| **c** | **ô** |

- GV hỏi: Tiếng **cô** gồm những âm nào? | - HS quan sát- HS trả lời nối tiếp: Tiếng **cô** gồm có âm **c** và âm **ô**. Âm **c** đứng trước và âm **ô** đứng sau. |
|  ***Củng cố:*** - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?- Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì?- GV chỉ mô hình tiếng **co, cô** | - Chữ **o** và chữ **ô**- Tiếng **co, cô**- HS đánh vần, đọc trơn : ***cờ-o-co, co; cờ- ô-cô, cô*** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập*****2.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: vừa nói tiếng có âm o vừa vỗ tay.)*** |  |
| *a. Xác định yêu cầu*- GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 12 (GV giơ sách mở trang 6 cho HS quan sát) rồi nói và vỗ tay tiếng có âm **o**. Nói không vỗ tay tiếng không có âm **o**. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 6. |
| *b. Nói tên sự vật*- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng con vật.- GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.- Cho HS làm bài trong vở Bài tập | - HS lần lượt nói tên từng con *cò, thỏ, dê, nho, mỏ, gà, cò.*- HS nói đồng thanh- HS làm cá nhân nối **o** với từng hình chứa tiếng có âm **o** trong vở bài tập |
| *c. Tìm tiếng có âm a.*- GV làm mẫu:+ GV chỉ hình cò gọi học sinh nói tên con vật.+ GV chỉ hình dê gọi học sinh nói tên con vật.\* Trường hợp học sinh không phát hiện ra tiếng có âm **o** thì GV phát âm thật chậm, kéo dài để giúp HS phát hiện ra. | - HS nói to và vỗ tay: **cò** (vì tiếng **cò** có âm **o**)- HS nói mà không vỗ tay (vì tiếng **dê** không có âm **o**) |
| *d. Báo cáo kết quả.*- GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. |  |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả | - HS báo cáo cá nhân |
| - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm **o** (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm **o**, nói thầm tiếng không có âm **o**.- HS nói (bọ, xò, bò,...) |
| ***2.2. Mở rộng vốn từ. (Bài tập 3: Tìm tiếng có âm ô.*** |  |
| a. Xác định yêu cầu của bài tập |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập : Vừa nói to tiếng có âm **ô** vừa vỗ tay. Nói không vỗ tay tiếng không có âm **ô**. | - HS theo dõi |
| *b. Nói tên sự vật*- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời 1 học sinh nói tên từng con vật, đồ vật.- GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nhắc tên tên từng sự vật.- Cho HS làm bài trong vở Bài tập | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *hổ, ổ, rổ, dế, hồ, xô.*- HS nói đồng thanh (nói + vỗ tay, nói không vỗ tay)- HS làm cá nhân nối **ô** với từng hình chứa tiếng có âm **ô** trong vở bài tập. |
| *c. Báo cáo kết quả.*- GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. |  |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả | - HS báo cáo cá nhân |
| - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm c (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm **ô**, nói thầm tiếng không có âm **ô**.- HS nói (ô, bố, cỗ...) |
| ***2.3. Tìm chữ o, chữ ô (Bài tập 5)*** |  |
| *a) Giới thiệu chữ o, chữ ô*- GV giới thiệu chữ a, chữ c in thường: Các em vừa học âm o và âm ô. Âm o được ghi bằng chữ ô. Âm o được ghi bằng chữ o - mẫu chữ ở dưới chân trang 12.- GV giới thiệu chữ O, chữ Ô in hoa dưới chân trang 13. | - Lắng nghe và quan sát- Lắng nghe và quan sát |
| *b. Tìm chữ* ***o****, chữ* ***ô*** *trong bộ chữ*- GV gắn lên bảng hình minh họa BT 5 và giới thiệu tình huống: Bi và Hà cùng đi tìm chữ **o** và chữ **ô** giữa các thẻ chữ. Hà và Bi chưa tìm thấy chữ nào. Các em cùng với 2 bạn đi tìm chữ **o** và chữ **ô** nhé.\* GV cho HS tìm chữ **o** trong bộ chữ- GV kiểm tra kết quả, khen HS đúng- Cho học sinh nhắc lại tên chữ | - HS lắng nghe- HS làm cá nhân tìm chữ **o** rồi cài vào bảng cài. - HS giơ bảng - HS đọc tên chữ |
| \* GV cho HS tìm chữ **ô** trong bộ chữ- GV kiểm tra kết quả, khen HS đúng- Cho học sinh nhắc lại tên chữ\* Cho HS làm việc cá nhân khoanh vào chữ **o** trong bài tập 5 VBT | - HS làm cá nhân tìm chữ **ô** rồi cài vào bảng cài. - HS giơ bảng - HS đọc tên chữ\* Làm bài cá nhân |
| ***2.4. Tập viết (Bảng con – BT 6)*** |  |
| - GV cho cả lớp đọc lại 2 trang vừa học | - HS đánh vần: cờ-a-ca- HS đọc trơn ca- HS nói lại tên các con vật, sự vật |
| *a. Chuẩn bị.* |  |
| - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi.*b. Làm mẫu.* | - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV |
| - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **o**, **ô** cỡ vừa.**C:\Users\Hello\OneDrive\Máy tính\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p4\mau chu cao 2.5 o ly (72).jpg** **C:\Users\Hello\OneDrive\Máy tính\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p1\mau chu cao 2.5 o ly (5).jpg**- GV chỉ bảng chữ **o, ô.** | - HS theo dõi- HS đọc |
| - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết :+ Chữ **o**: Cao 2 li, rộng 1,5 li chỉ gồm 1 nét cong kín. Đặt bút ở phía dưới ĐK 3, viết nét cong kín (từ phải sang trái), dừng bút ở điểm xuất phát.+ Chữ **ô**: viết nét 1 như chữ **o**, nét 2, 3 là hai nét thẳng xiên ngắn (trái – phải) chụm đầu vào nhau tạo thành dấu mũ (^).*+ Tiếng* ***co***: viết chữ **c** trước chữ **o** sau, chú ý nối giữa chữ **c** với chữ **o**.*+ Tiếng* ***cô***: viết tiếng **co**, thêm dấu mũ trên chữ **o** để thành tiếng **cô**. | - HS theo dõi |
| *c. Thực hành viết*- Cho HS viết trên khoảng không- Cho HS viết bảng con | - HS viết chữ **o, ô** và tiếng **co, cô** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.- HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ **o, ô, co, cô** từ 2-3 lần. |
| *d. Báo cáo kết quả*- GV yêu cầu HS giơ bảng con- GV nhận xét | - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.- 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp- HS khác nhận xét |
| - Cho HS viết chữ **co, cô**- GV nhận xét | - HS xóa bảng viết tiếng **co, cô** 2-3 lần- HS giơ bảng theo hiệu lệnh.- HS khác nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng**- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.- Về nhà làm lại BT5 cùng người thân, xem trước bài 2- GV khuyến khích HS tập viết chữ **o, ô** trên bảng con | - Lắng nghe |

**Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………